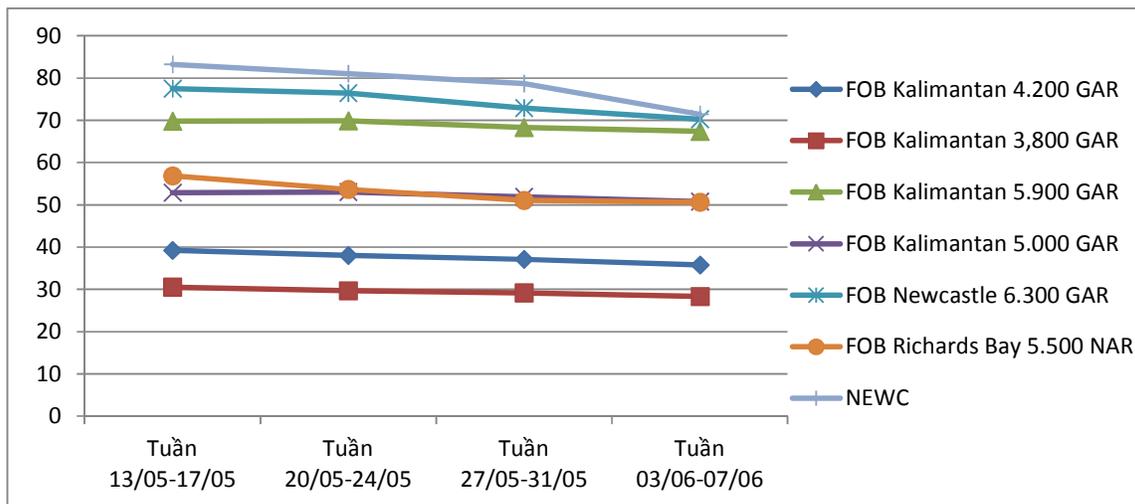


## I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá than khu vực	Tuần 13/05-17/05	Tuần 20/05-24/05	Tuần 27/05-31/05	Tuần 03/06-07/06
FOB Kalimantan 4,200 GAR	39,2	38,03	37,08	35,72
FOB Kalimantan 3,800 GAR	30,48	29,67	29,13	28,30
FOB Kalimantan 5,900 GAR	69,8	69,83	68,30	67,34
FOB Kalimantan 5,000 GAR	52,87	53,02	51,88	50,74
FOB Newcastle 6,300 GAR	77,49	76,40	72,86	70,26
FOB Richards Bay 5,500 NAR	56,86	53,64	51,06	50,59
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	83,24	81,06	78,71	71,39



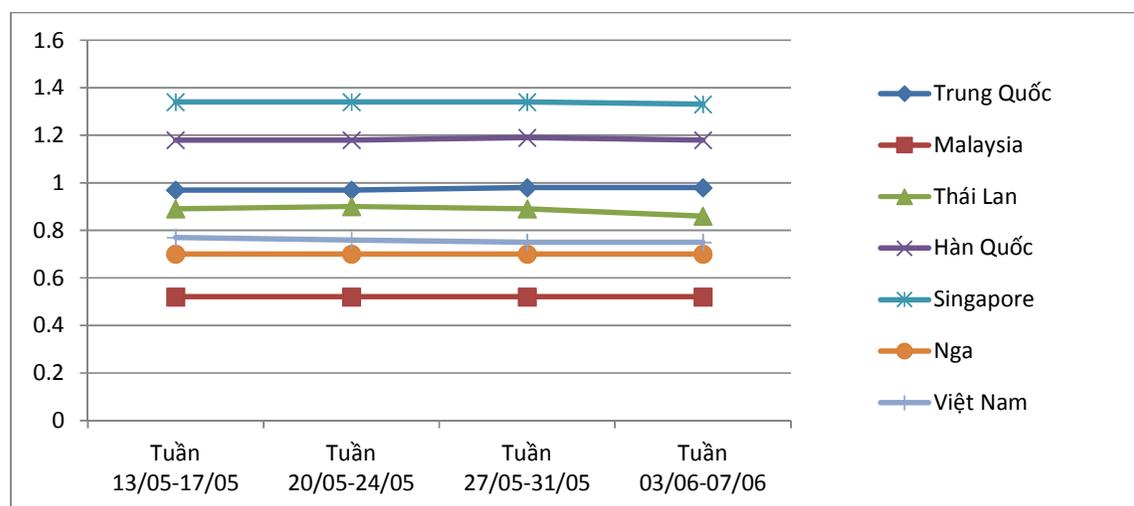
**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 6 (2019)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

## 2. GIÁ DẦU DO KHU VỰC

Đơn vị: USD/lít

Chỉ số giá dầu DO quốc tế	Tuần 13/05-17/05	Tuần 20/05-24/05	Tuần 27/05-31/05	Tuần 03/06-07/06
Trung Quốc	0,97	0,97	0,98	0,98
Malaysia	0,52	0,52	0,52	0,52
Thái Lan	0,89	0,9	0,89	0,86
Hàn Quốc	1,18	1,18	1,19	1,18
Singapore	1,34	1,34	1,34	1,33
Nga	0,7	0,7	0,7	0,7
Việt Nam	0,77	0,76	0,75	0,75



Biểu đồ 2: Giá dầu DO trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 6 (2019)

(Nguồn: <https://www.globalpetrolprices.com>)

## 3. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 1 tháng 6	03/06	04/06	05/06	06/06	07/06
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	8,80	9,05	N/A	9,15	9,30
2	Queensland – Nhật Bản	10,00	10,25	N/A	10,40	10,50
3	New South Wales – Hàn Quốc	10,85	11,10	N/A	11,25	11,45
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,70	12,70	N/A	12,70	12,70
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,95	8,85	N/A	8,85	8,75
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,85	12,85	N/A	12,85	12,85
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,50	7,40	N/A	7,40	7,30
5	Úc - Trung Quốc	12,30	12,30	N/A	12,30	12,30
6	Úc - Ấn Độ	13,25	13,25	N/A	13,25	13,25

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

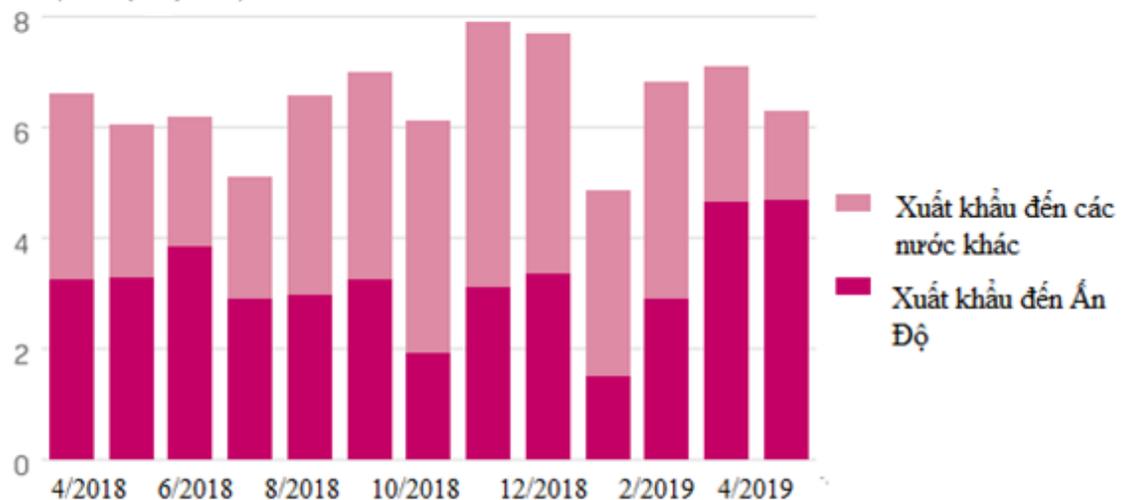
## II. ĐIỂM TIN

### Lượng than xuất khẩu của Nam Phi trong tháng 4 đạt 6,3 triệu tấn, giảm 4,6% so với năm trước

Nam Phi đã xuất khẩu 6,30 triệu tấn than nhiệt trong tháng 4, giảm 11% so với tháng 3 và 4,6% so với tháng 4 năm 2018, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Ấn Độ, chiếm 74% tổng khối lượng, theo dữ liệu hải quan mới nhất được công bố. Cụ thể lượng than xuất khẩu đến Ấn Độ đạt 4,68 triệu tấn trong tháng 4, tăng 0,7% so với tháng 3 nhưng cao hơn 45% so với một năm trước đó, và là mức cao nhất kể từ khi S&P Global bắt đầu thu thập dữ liệu trong năm 2014. Nhu cầu mua than theo chuyên của Ấn Độ trong tháng 4 không thay đổi nhiều do các NMNĐ dự trữ than trước khi mùa mưa diễn ra. Giá than Nam Phi giao theo chuyên thấp cũng là động lực thúc đẩy khách hàng Ấn Độ, vốn nhạy cảm với biến động giá, tăng cường nhập khẩu.

Lượng than Nam Phi xuất khẩu đến Pakistan đạt 694.255 tấn, giảm 25% so với tháng 3 và 48% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu đến Hàn Quốc đạt 294.445 tấn, tăng 91% so với tháng trước đó nhưng giảm 64% so với tháng 4 năm 2018. Hà Lan, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha không nhập khẩu than Nam Phi trong tháng 4, phản ánh đúng nhu cầu suy giảm với than vận chuyển bằng đường biển.

**Xuất khẩu than nhiệt của Nam Phi**  
(đơn vị: triệu tấn)



(Nguồn: Hải quan Nam Phi)

### Nhập khẩu than của Việt Nam trong tháng 5 đạt 3,86 triệu tấn, tăng 57% so với năm trước

Việt Nam đã nhập khẩu 3,86 triệu tấn than trong tháng 5, chủ yếu là than nhiệt và than cốc, tăng 57,1% so với cùng kỳ năm 2018, theo dữ liệu của Hải quan Việt Nam phát hành trong thứ 3 (11/6). Giá trị than nhập khẩu trong tháng đạt 380 triệu USD, tăng 51,4% so với cùng kỳ năm trước. Indonesia là nước cung cấp than lớn nhất trong tháng 5 với 1,39 triệu tấn, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước, tiếp theo là các nước như Úc, Nga và Trung Quốc. Từ tháng 1 đến tháng 5, Việt Nam đã nhập khẩu 17,2 triệu tấn than, tăng 103,8% so với cùng kỳ năm trước đó, chủ yếu từ Indonesia, Úc và Nga. Giá trị than nhập khẩu trong giai đoạn này đạt 1,65 tỉ USD, tăng 66,5% so với năm 2018.

Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 167.259 tấn than, chủ yếu là than antraxit, trong tháng 5, giảm 29,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến Nhật Bản, Thái Lan và Hàn Quốc. Trong năm tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 198.833 tấn than, giảm 80,25% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tới Nhật Bản, Thái Lan và Hàn Quốc. Giá trị than xuất khẩu trong giai đoạn này đạt 29,6 triệu USD, giảm 77,8% so với năm trước.

Khối lượng than nhập khẩu lớn trong khi xuất khẩu lại giảm mạnh bắt nguồn từ việc EVN phát biểu sẽ tiếp tục tăng cường mua điện từ các NMNĐ ở mức tối đa để cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ điện đang tăng mạnh trên cả nước. Hầu hết sản lượng than của Việt Nam được các NMNĐ, xi măng và các hộ tiêu thụ khác trong nước sử dụng.

### **Thị trường LNG đối mặt với nguy cơ thừa cung từ các dự án xuất khẩu mới**

Thị trường LNG có thể gặp phải vấn đề thừa cung trong thập kỷ tới do các công ty chạy đua xây dựng những dự án LNG để xuất khẩu mới ngay cả khi chưa tìm được khách hàng, theo ý kiến từ các quản lý cấp cao tại một hội nghị trong ngành tại Úc hôm thứ 3 (28/5). Nguồn cung dư thừa có thể tạo áp lực giảm giá và ảnh hưởng đến lợi nhuận, tương tự như cách thị trường LNG đang phải đối mặt với lượng cung quá lớn từ các dự án của Úc và Mỹ, vượt xa tốc độ tăng trưởng của nhu cầu trong vài năm qua. S&P Global Platts JKM – chỉ số giá LNG theo chuyên tham chiếu tại thị trường Đông Nam Á - cho các chuyến hàng tháng 7 hiện ở mức 4.497 USD/MMBtu, trong tình hình thị trường LNG ảm đạm do nguồn cung dư thừa từ nhiều dự án đang tiếp tục tăng cường sản xuất.

Ông Peter Coleman, chủ tịch của Woodside Energy, cho biết: “Những gì chúng ta đang được thấy trên thị trường là rất nhiều các dự án đang đến bước cuối cùng trong quá trình thẩm định đầu tư mà vẫn chưa tìm được khách hàng”. Ông cho biết, xu hướng này rất đáng lo ngại bởi nó cho thấy các nhà cung cấp đang kỳ vọng thị trường sẽ thiếu hụt nguồn cung đến năm 2023-2024 và các công ty đang đầu cơ tích trữ sản phẩm của mình để chờ tới thời điểm thích hợp: “Nếu có quá nhiều công ty thực hiện chiến lược này, đương nhiên sẽ không có câu chuyện thị trường thiếu hụt nguồn cung khi tất cả công ty tham gia vào cùng thời điểm. Vậy nên chúng ta đang nhìn thấy sự thay đổi trong 12 tháng qua, ví dụ như công ty LNG Canada đi đến bước thẩm định đầu tư cuối cùng khi đã nhận được đặt hàng trước, mặc dù chỉ với một phần khối lượng tương đối nhỏ, chúng tôi hy vọng tất cả những công ty khác sẽ bắt đầu làm tương tự”. Các chuyên gia cho biết trong khi điều này phản ánh đỉnh điểm và đáy cơ bản của một chu kỳ hàng hóa, thị trường LNG có thể bỏ lỡ giá đỉnh điểm, dẫn đến chu kỳ giá thấp kéo dài. Giám đốc điều hành của ConocoPhillips, ông Ryan Lance, cho biết đây là thị trường của người mua, họ muốn các điều khoản ngắn hơn và các mô hình định giá thuận lợi để tận dụng lợi thế của thị trường giao theo chuyển.

*(Nguồn: S&P Global Platts)*